

NGHỊ QUYẾT

Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh "về việc thông qua nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu"; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định các khoản thu và mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định nội dung, mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các trường mầm non, mẫu giáo, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học công lập; Trung

tâm Giáo dục thường xuyên và Hướng nghiệp tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên (*theo chương trình phổ thông*) trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (*sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập*).

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

c) Trẻ em, học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (*sau đây gọi chung là học sinh*).

Điều 2. Nguyên tắc thu

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục là các khoản thu thỏa thuận dân chủ, công khai giữa cơ sở giáo dục với gia đình học sinh; các cơ sở giáo dục phải xây dựng kế hoạch, dự toán thu, chi cụ thể; thực hiện thu đúng, thu đủ chỉ, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Mức thu theo quy định khoản 1 Điều 3 là mức thu tối đa. Tùy thuộc vào tình hình kinh tế từng địa phương (*huyện, thị xã, thành phố*), theo nhu cầu của gia đình học sinh, các cơ sở giáo dục thỏa thuận với gia đình học sinh về mức thu cụ thể, nhưng không vượt quá mức thu quy định tại nghị quyết này và thu theo số tháng, ngày thực học.

3. Ngoài các khoản thu được quy định tại nghị quyết này và các khoản thu theo các quy định hiện hành, các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh không được thỏa thuận với gia đình học sinh để thu thêm các khoản thu khác.

4. Đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường không quy định mức trần phải đảm bảo chất lượng dịch vụ và mức thu phù hợp.

5. Các khoản thu nên chia thành nhiều đợt, thực hiện giãn thời gian thu (*thu theo tháng*) để giảm gánh nặng cho gia đình học sinh vào đầu năm học.

Điều 3. Các khoản thu và mức thu

1. Các khoản thu và mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường có quy định mức trần (*mức thu tối đa*).

a) Đối với giáo dục mầm non:

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức thu
1	Tiền ăn đối với các cơ sở giáo dục công lập tự tổ chức bếp ăn bán trú cho học sinh (<i>bao gồm tiền ăn, sinh hoạt, phục vụ bán trú</i>)	đồng/học sinh/ngày	50.000
2	Giáo dục mầm non ngoài giờ		
2.1	Giữ, chăm sóc học sinh sau 17 giờ đến tối đa 18 giờ 30 phút các ngày trong tuần	đồng/học sinh/giờ	10.000

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức thu
2.2	Giữ, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục học sinh vào ngày thứ bảy, chủ nhật (<i>bao gồm tiền ăn bán trú</i>)	đồng/học sinh/ngày	100.000
2.3	Chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục học sinh vào kỳ nghỉ hè (<i>bao gồm tiền ăn bán trú</i>)	đồng/học sinh/ngày	90.000
2.4	Học sinh làm quen tiếng Anh với giáo viên người Việt Nam (<i>02 buổi/tuần, 01 tiết/01 buổi (30 phút)</i>)	đồng/học sinh/tháng	100.000
2.5	Dạy các môn năng khiếu cho trẻ ngoài giờ chính khóa (<i>02 - 03 tiết/tuần</i>)	đồng/học sinh/tháng	100.000

b) Đối với giáo dục tiểu học:

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức thu
1	Dạy tiếng Anh, Tin học cho học sinh lớp 1, lớp 2 do nhà trường tự chủ trong tổ chức thực hiện	đồng/học sinh/tiết	7.000
2	Bán trú cho học sinh (<i>bao gồm tiền ăn, sinh hoạt bán trú, phục vụ bán trú</i>)	đồng/học sinh/ngày	50.000
3	Thuê lao động vệ sinh trường lớp, công trình vệ sinh (<i>bao gồm mua sắm các công cụ, dụng cụ, hóa chất làm vệ sinh</i>)	đồng/học sinh/tháng	15.000

c) Đối với giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông:

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức thu	
			Phường/ thị trấn	Xã
1	Dạy học 02 buổi/ngày			
1.1	Trung học cơ sở	đồng/học sinh/tiết	6.000	5.000
1.2	Trung học phổ thông	đồng/học sinh/tiết	7.000	6.000

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Mức thu	
			Phường/ thị trấn	Xã
2	Dạy thêm học thêm trong nhà trường (<i>theo môn</i>)			
2.1	Trung học cơ sở	đồng/học sinh/tiết	6.000	5.000
2.2	Trung học phổ thông	đồng/học sinh/tiết	7.000	6.000
3	Thuê lao động vệ sinh trường, công trình vệ sinh (<i>bao gồm mua sắm các công cụ, dụng cụ, hóa chất làm vệ sinh</i>)	đồng/học sinh/tháng	10.000	

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường không quy định mức trần:

Các cơ sở giáo dục công lập thỏa thuận với gia đình học sinh có nhu cầu (*bằng văn bản*) trên tinh thần tự nguyện để hợp đồng với đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ bên ngoài (*có đầy đủ năng lực, pháp nhân, pháp lý đúng quy định pháp luật*) phù hợp, đáp ứng yêu cầu của nhà trường và thống nhất mức thu nhằm phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại đơn vị, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc tại Điều 2 nghị quyết này, bao gồm các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục sau:

a) Tiền ăn đối với các cơ sở giáo dục công lập chưa tổ chức bếp ăn bán trú cho học sinh (*bao gồm tiền ăn bán trú; bồi dưỡng người trực tiếp chăm sóc, phục vụ công tác bán trú; mua sắm thiết bị, đồ dùng, dụng cụ phục vụ bán trú*).

b) Khoản thu thực hiện chương trình hoạt động giáo dục bổ trợ, tăng cường, bồi dưỡng năng khiếu học sinh ngoài giờ học chính khóa, gồm: Các hoạt động trải nghiệm; phát triển năng lực, năng khiếu (*thể thao, âm nhạc, mỹ thuật*); dạy học toán, khoa học tự nhiên và xã hội bằng tiếng Anh, Tin học, ngoại ngữ tăng cường; học, làm quen tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài; giáo dục STEM, STEAM.

c) Các hoạt động hỗ trợ: Khoản thu mua các loại đồ dùng, dịch vụ phục vụ học tập, hoạt động giáo dục: Sổ liên lạc điện tử, học bạ điện tử; giấy kiểm tra, giấy thi theo mẫu; photo đề kiểm tra, thi định kỳ; ghế ngồi (*dự chào cờ, dự lễ*); dụng cụ, tài liệu phục vụ học tập, hoạt động của học sinh ở trường.

Điều 4. Chế độ miễn, giảm các khoản thu

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường và hoàn cảnh khó khăn của từng em học sinh, các cơ sở giáo dục công lập tổ chức xét và thực hiện miễn, giảm các khoản thu cho các trường hợp sau:

1. Miễn thu các khoản thu quy định tại Điều 3 nghị quyết này (*không bao gồm tiền ăn bán trú*) đối với học sinh thuộc trường hợp: con liệt sỹ; gia đình thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ; người khuyết tật; mồ côi cả cha lẫn mẹ; con cán bộ, công chức, viên chức mà cả cha và mẹ đều bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên; có cả cha và mẹ là người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định.

2. Giảm 50% mức thu các khoản thu quy định tại Điều 3 nghị quyết này (*không bao gồm tiền ăn bán trú*) đối với học sinh thuộc trường hợp: Con thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh theo quy định của Chính phủ; mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ; con cán bộ, công chức, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên; có cha hoặc mẹ là người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định.

Điều 5. Chế độ thanh toán, quyết toán

Cơ chế quản lý thu, chi đối với các khoản thu và mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu khóa X, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (báo cáo);
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TP, Giáo dục và Đào tạo;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu (NH). *lll*



CHỦ TỊCH *lll*

Lữ Văn Hùng